GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHẬT GIÁO GIÁO HỘI VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC
★ HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH ★

DANH SÁCH
TẤN PHONG GIÁO PHẨM NI SƯ NĂM 2026

TỈNH AN GIANG: 14 vị

STT	PHÁP DANH/ HỌ TÊN	NĂM SINH	HẠ LẠP	THƯỜNG TRÚ
1.	SC. TN Như Chơn (Huỳnh Bích Khánh)	1972	1993 (33)	Chùa An Phước Xã Vĩnh Hậu, tỉnh An Giang
2.	SC.TN Diệu Vân (Trần Thị Mười)	1966	1995 (31)	Chùa Thành Hoa Xã Cù Lao Giêng, tỉnh An Giang
3.	SC. TN Như Chương (Nguyễn Thị Út)	1968	1997 (29)	Tịnh xá Giới Định Huệ Xã Thoại Sơn, tỉnh An Giang
4.	SC. TN Tạng Liên (Võ Thị Lệ)	1957	1997 (29)	Chùa Thiên Phước Xã Định Mỹ, tỉnh An Giang
5.	SC. TN Minh Liên (Trần Thị Thảo)	1972	1999 (27)	Tịnh xá Ngọc Sơn Xã Thoại Sơn, tỉnh An Giang
6.	SC. TN Huệ Tâm (Nguyễn Thị Thủy)	1967	1999 (27)	Chùa Huỳnh Phước P. Tịnh Biên, tỉnh An Giang
7.	SC. TN Nguyên Chi (Đoàn Thị Kim Chi)	1975	1999 (27)	Chùa Phước Lâm P. Tịnh Biên, tỉnh An Giang
8.	SC. TN Như Cảnh (Nguyễn Thị Đẹp)	1972	2001 (25)	Chùa Vĩnh Thành P. Vĩnh Tế, tỉnh An Giang
9.	SC. TN Mẫn Liên (Lê Thị Thu Nguyệt)	1972	2001 (25)	Tịnh thất Ngọc Quang Xã Thoại Sơn, tỉnh An Giang
10.	SC. TN Liên Tạng (Trần Thị Huyền Linh)	1979	2001 (25)	Hư Vân Thiền Viện Xã Thoại Sơn, tỉnh An Giang
11.	SC. TN Diệu Dung (Nguyễn Thị Nhan)	1945	2001 (25)	Tịnh thất Phước Minh P. Vĩnh Tế, tỉnh An Giang
12.	SC. TN Diệu Tâm (Nguyễn Thị Đồng)	1960	2001 (25)	Chùa Thành Tâm P. Vĩnh Tế, tỉnh An Giang
13.	SC. TN Huệ Tấn (Tăng Thị Mộng Thi)	1977	2001 (25)	Chùa Vĩnh Hòa Xã Vĩnh Trạch, tỉnh An Giang
14.	SC. TN Như Kim (Trần Thị Phương Chi)	1956	1998 (28)	Chùa Tam Bảo P. Hà Tiên, tỉnh An Giang

TP. BẮC NINH: 07 vị

15.	SC. Thích Nữ Phước Tuệ (Phạm Thị Phương Thanh)	1975	2001 (25)	Chùa Diêm Sở, khu phố Bằng An, phường Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
16.	SC. Thích Nữ Thiện Tâm (Nguyễn Thị Phương)	1974	2001 (25)	Chùa Tăng Lục, thôn Hộ Vệ, xã Tân Chi, tỉnh Bắc Ninh
17.	SC. Thích Nữ Diệu Minh (Nguyễn Thị Châu Chơn)	1979	2001 (25)	Chùa Diên Phúc, thôn Lạc Nhuế, xã Tam Đa, tỉnh Bắc Ninh
18.	SC. Thích Nữ Nhật Tường (Phạm Thị Mộng Nguyệt)	1972	2000 (25)	Chùa Tùng Lâm, khu phố Trạm Trai, phường Ninh Xá, Bắc Ninh
19.	SC. Thích Đàm Tiến (Nguyễn Thị Sửu)	1949	1985 (25)	Chùa Phụng Pháp, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh
20.	SC. Thích Đàm Thủy (Nguyễn Thị Huề)	1960	1988 (27)	Chùa Bảo An, thôn An Nguyễn, xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh
21.	SC. Thích Đàm Chiên (Nguyễn Thị Mây)	1965	2001 (25)	Chùa Nghiêm Xá, xã Quế Võ, Tp. Bắc Ninh

TỈNH CÀ MAU: 07 vị

22.	SC. TN Linh Ngọc (Nguyễn Ngọc Phượng)	1970	1996 (30)	Chùa Phổ Đà Xã Châu Thới, tỉnh Cà Mau
23.	SC. TN Huệ Hiền (Võ Thị Kim An)	1974	1997 (29)	Chùa Pháp Lạc P. Láng Tròn, tỉnh Cà Mau
24.	SC. TN Liên Đăng (Trần Kim Trọng)	1959	1999 (27)	Cơ sở Bửu Liên P. Vĩnh Trạch, tỉnh Cà Mau
25.	SC. TN Huệ Thanh (Nguyễn Thị Điệp)	1968	2000 (26)	Chùa Huệ Tâm P. Giá Rai, tỉnh Cà Mau
26.	SC. TN Hậu Liên (Vương Thị Mỹ Dung)	1954	2000 (26)	Tịnh xá Ngọc Tường P. Giá Rai, tỉnh Cà Mau
27.	SC. TN Giới Liên (Trần Yến Nương)	1965	2000 (26)	Tịnh xá Ngọc Tường P. Giá Rai, tỉnh Cà Mau
28.	SC. TN Đạo Liên (Nguyễn Thị Nhị)	1981	2001 (25)	Chùa Vĩnh Hưng Long Xã Hòa Bình, tỉnh Cà Mau

TỈNH CAO BẰNG: 01 vị

29.	SC. Thích Nữ Diệu Thông (Ngô Thị Thảo)	1973	2001 (25)	Chùa Đống Lân, xã Thục Phán, tỉnh Cao Bằng

TP. CẦN THƠ: 06 vị

30.	SC. TN Thành Liên (Đỗ Thị Thanh)	1963	1991 (35)	Tịnh xá Ngọc Chương P. Vị Tân, Tp. Cần Thơ
31.	SC. TN Minh Lượng (Dương Ngọc Lan)	1960	1994 (32)	Chùa Thiên Phước Xã Đại Ngãi, Tp. Cần Thơ
32.	SC. TN Nghiêm Anh (Võ Thị Anh Đào)	1970	1997 (29)	Chùa Long Khánh Xã Vị Thanh 1, Tp. Cần Thơ
33.	SC. TN Huệ Kiên (Võ Thị Siêng)	1972	1999 (27)	Chùa Hải Trường Xã Tân Long, Tp. Cần Thơ
34.	SC. TN Trung Hiếu (Trần Thị Phụng Vân)	1970	2001 (25)	Chùa Phước Bửu Xã Đông Hiệp, Tp. Cần Thơ
35.	SC. TN Tâm Hạnh (Phạm Thị Tuyết Hồng)	1957	2001 (25)	Tịnh thất Đức Nghiêm P. Cái Khế, Tp. Cần Thơ

TP. ĐÀ NẴNG: 11 vị

36.	SC. TN Thanh Trung (Trịnh Thị Đông)	1966	2000 (26)	Chùa Bảo Quang P. Hòa Cường, Tp. Đà Nẵng
37.	SC. TN Liên Thuận (Huỳnh Thị Báu)	1975	2000 (26)	Tịnh xá Ngọc Châu P. Hội An Đông, Tp. Đà Nẵng
38.	SC. TN Thông Hòa (Dương Thị Mỹ Dung)	1979	2000 (26)	Chùa Phổ Minh P. Điện Bàn Đông, Tp. Đà Nẵng
39.	SC. TN Chúc Hiền (Hà Thị Nhân)	1973	2001 (25)	Chùa Lộc Quang P. Hòa Khánh, Tp. Đà Nẵng
40.	SC. TN Thông Tri (Nguyễn Thị Thúy)	1953	1991 (35)	Chùa Phổ Minh P. Điện Bàn Đông, Tp. Đà Nẵng
41.	SC. TN Trung Tựu (Đoàn Thị Bích Thảo)	1976	2001 (25)	Chùa Ngọc Châu Xã Điện Bàn Tây, Tp. Đà Nẵng
42.	SC. TN Thông Từ (Phạm Thị Phúc)	1967	2001 (25)	Chùa Phổ Minh P. Điện Bàn Đông, Tp. Đà Nẵng
43.	SC. TN Đồng Thành (Hoàng Thị Thao)	1970	1992 (34)	Chùa Quang Minh P. Hòa Khánh, Tp. Đà Nẵng
44.	SC. TN Hương Đạo (Lê Thị Hồng Vân)	1973	2001 (25)	Chùa Quang Minh P. Hòa Khánh, Tp. Đà Nẵng
45.	SC. TN Đồng Hậu (Lê Thị Hằng)	1980	2001 (25)	Chùa Hoa Yên Xã Thượng Đức, Tp. Đà Nẵng
46.	SC. TN Giác Bình (Nguyễn Thị Thư)	1972	2001 (25)	Chùa La Thọ P. Điện Bàn Bắc, Tp. Đà Nẵng

TỈNH ĐẮK LẮK: 18 vị

47.	SC. TN Ngọc Liên (Nguyễn Thị Tuyết)	1975	2001 (25)	Tịnh xá Ngọc Thành P. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk
48.	SC. TN Tịnh Đạt (Huỳnh Thị Sen)	1972	2001 (25)	Chùa Linh Sơn Xã Quảng Phú, Đắk Lắk
49.	SC. TN Huệ Nguyên (Nguyễn Thị Liễu)	1975	2000 (26)	Niệm Phật Đường Quang Tâm Xã Quảng Phú, Đắk Lắk
50.	SC. TN Quảng Thành (Nguyễn Thị Ngọc Hiếu)	1975	1998 (28)	Chùa Thiện Hòa Xã Eana, Đắk Lắk
51.	SC. TN Chơn Khiêm (Nguyễn Trần Hoài Thương)	1975	2001 (25)	Chùa Thuần Hiếu Xã Krông păk, Đắk Lắk
52.	SC. TN Tịnh Thủy (Võ Thị Huê)	1976	2001 (25)	Chùa Trí Quang Xã Eaphé, Đắk Lắk
53.	SC. TN Thánh Phúc (Bùi Thị Mai Thảo)	1970	2001 (25)	Chùa Quảng Đức Xã Ea Knuếc, Đắk Lắk
54.	SC. TN Chơn Hiển (Nguyễn Thị Thảo Vinh)	1977	1999 (27)	Chùa Phước Nghiêm Xã Ephê, Đắk Lắk
55.	SC. TN Tâm Thanh (Nguyễn Thị Kim Duyên)	1979	2001 (25)	Chùa Ân Niên P. Tuy Hòa, Đắk Lắk
56.	SC. TN Nguyên Hương (Nguyễn Thị Mai)	1978	2001 (25)	Chùa Bình Quang P. Tuy Hòa, Đắk Lắk
57.	SC. TN Nguyên Dung (Đặng Thị Thu)	1967	2001 (25)	Chùa Hương Sơn Xã Phú Hòa 2, Đắk Lắk
58.	SC. TN Quảng Thùy (Lê Thị Ngọc Dung)	1965	2001 (25)	Chùa Tây Sơn Xã Phú Hòa 1, Đắk Lắk
59.	SC. TN Nguyên Thanh (Diệp Thị Tuyết Nga)	1966	2001 (25)	Chùa Long Sơn Xã Phú Hòa 2, Đắk Lắk
60.	SC. TN Quảng Châu (Nguyễn Thị Hồng)	1974	2001 (25)	Chùa Kim Sơn Xã Phú Hòa 2, Đắk Lắk
61.	SC. TN Nguyên Liên (Nguyễn Thị Hoa)	1954	2001 (25)	Chùa Phước Khánh P. Tuy Hòa, Đắk Lắk
62.	SC. TN Nguyên Tâm (Nguyễn Thị Mới)	1964	2001 (25)	Chùa Vĩnh Phước Xã Ô Loan, Đắk Lắk
63.	SC. TN Diệu Trí (Lê Thị Liên)	1960	2001 (25)	Chùa Thanh Hương Xã Tây Hòa, Đắk Lắk
64.	SC. TN Quảng Tịnh (Trần Thị Bích Xuyên)	1982	2001 (25)	Chùa Long Bình P. Sông Cầu, Đắk Lắk

TP. ĐỒNG NAI: 32 vị

65.	SC. TN Diệu Liên (Lê Thị Kim Liên)	1971	2001 (25)	Chùa Phước Liên P. Xuân Lộc, Tp. Đồng Nai
66.	SC. TN Từ Nhân (Võ Thị Loan)	1966	2001 (25)	Chùa Quang Mỹ P. Nhơn Trạch, Tp. Đồng Nai
67.	SC. TN Tuệ Hoa (Trần Thị Thu)	1971	2001 (25)	Chùa Quang Mỹ P. Nhơn Trạch, Tp. Đồng Nai
68.	SC. TN Tâm Chiếu (Trần Thị Bé)	1978	1999 (27)	Chùa Long Hương P. Nhơn Trạch, Tp. Đồng Nai
69.	SC. TN Đức Bảo (Nguyễn Thị Hạnh Dung)	1972	2001 (25)	Chùa Long Ẩn Xã La Ngà, Tp. Đồng Nai
70.	SC. TN Nhuận Thanh (Hồ Thị Trang)	1974	2000 (26)	Chùa Bửu Nghiêm Xã Long Phước, Tp. Đồng Nai
71.	SC. TN Huệ Thanh (Phạm Thị Mộc Liễu)	1965	1996 (30)	Chùa Tịch Quang P. Phước Tân, Tp. Đồng Nai
72.	SC. TN Diệu Bạch (Phạm Thị Bích Vân)	1971	2000 (26)	Chùa Bửu Phước P. Tân Triều, Tp. Đồng Nai
73.	SC. TN Tâm Hương (Văn Nữ Minh Trang)	1974	1996 (30)	Tu viện Phước Hải Xã Phước Thái, Tp. Đồng Nai
74.	SC. TN Đức Chánh (Nguyễn Thị Bạch Loan)	1976	2001 (25)	Chùa Thanh Hương Xã Đồng Tâm, Tp. Đồng Nai
75.	SC. TN Thành Ngọc (Đỗ Thị Ngọc Tuyền)	1973	2000 (26)	Chùa Thanh Tịnh Xã Tân Quan, Tp. Đồng Nai
76.	SC. TN Từ Phước (Phạm Thị Cúc)	1964	1988 (38)	Chùa Giác Ngạn P. Lộc Ninh, Tp. Đồng Nai
77.	SC. TN Liên Tường (Lê Thị Bích Vân)	1971	2001 (25)	Tịnh xá Ngọc Phước P. Phước Long, Tp. Đồng Nai
78.	SC. TN Đức Thuận (Trương Thị Hòa)	1976	1999 (27)	Thiền viện Liễu Đức Xã Phước Thái, Tp. Đồng Nai
79.	SC. TN Từ Đức (Nguyễn Thị Bích Vân)	1973	1998 (28)	Chùa Giác Ngộ Xã Bù Đăng, Tp. Đồng Nai
80.	SC. TN Trung Minh (Thái Thị Ngọc Tuyết)	1976	2001 (25)	Chùa Phước Duyên Xã Đa Kia, Tp. Đồng Nai
81.	SC. TN Huệ Châu (Nguyễn Thị Thử)	1971	2001 (25)	Chùa Thanh Sơn P. An Lộc, Tp. Đồng Nai
82.	SC. TN Diệu Trí (Châu Thị Huệ)	1953	2001 (25)	Chùa Hoàng Mai P. Đồng Xoài, Tp. Đồng Nai

83.	SC. TN Chúc Phượng (Cao Thị Như Oanh)	1978	2001 (25)	Chùa Tường Vân Xã Minh Đức, Tp. Đồng Nai
84.	SC. TN Huệ Nhiên (Nguyễn Thị Hạnh)	1974	1999 (27)	Chùa Thanh Minh Xã Đắk Ơ, Tp. Đồng Nai
85.	SC. TN Nhuận Trí (Lê Thị Ngọc Lan)	1974	2000 (26)	Chùa Thanh An Xã Bom Bo, Tp. Đồng Nai
86.	SC. TN Đức Hải (Đinh Thị Tuyết Trinh)	1974	1998 (28)	Chùa Thanh Trúc P. Đồng Xoài, Tp. Đồng Nai
87.	SC. TN Trung Hạnh (Phan Thu Dung)	1962	2001 (25)	Chùa Đức Huệ P. Phước Bình, Tp. Đồng Nai
88.	SC. TN Liên Hải (Nguyễn Thị Thuyên)	1967	2000 (26)	Chùa Quang Minh P. Bình Phước, Tp. Đồng Nai
89.	SC. TN Linh Ngôn (Nguyễn Thị Kim Thoa)	1963	1998 (28)	Chùa Thanh Hương Xã Đồng Tâm, Tp. Đồng Nai
90.	SC. TN Nhật Hiện (Nguyễn Thị Kiểu)	1969	2000 (26)	Chùa Thanh Bình Xã Thọ Sơn, Tp. Đồng Nai
91.	SC. TN Bửu Thường (Nguyễn Thị Kim Ba)	1968	1997 (29)	Tu viện Phước Lạc Xã Phước Thái, Tp. Đồng Nai
92.	SC. TN Hương Đăng (Lê Mỹ Lệ Khương)	1967	1999 (27)	Thiền tự Trúc Lâm Thanh Tâm P. Bình Phước, Tp. Đồng Nai
93.	SC. TN Thiền Hội (Nguyễn Thị Diệu Trang)	1972	2000 (26)	Chùa Trung Phú Xã Tà Lài, Tp. Đồng Nai
94.	SC. TN Hương Châu (Nguyễn Thị Khả)	1978	2000 (26)	Tu viện Phước Lạc Xã Phước Thái, Tp. Đồng Nai
95.	SC. TN Tịnh Đoan (Đinh Thị Hồi)	1972	1996 (30)	Chùa Long Vân P. Tam Phước, Tp. Đồng Nai
96.	SC. TN Liên Việt (Phạm Thị Kim Chi)	1978	2001 (25)	Tịnh xá Ngọc Hưng Xã Xuân Hòa, Tp. Đồng Nai

TỈNH ĐỒNG THÁP: 29 vị

97.	SC. TN Tánh Liên (Đào Thị Túy)	1972	1996 (30)	Tịnh xá Ngọc Hưng Xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp
98.	SC. TN Huệ Thiện (Nguyễn Thị Lệ Huyền)	1976	2000 (26)	Chùa Long Tế Xã Mỹ Thọ, Đồng Tháp
99.	SC. TN Giác Minh (Phạm Thị Kim Trang)	1971	1999 (27)	Chùa Khánh Linh Xã Phú Hựu, Đồng Tháp
100.	SC. TN Hạnh Minh (Lê Thị Ngọc Yến)	1965	2001 (25)	Chùa Hưng Thiền Xã Mỹ Thọ, Đồng Tháp

101.	SC. TN Nhựt Hạnh (Lê Thị Ba)	1960	1993 (33)	Chùa Hưng Thiền Xã Mỹ Thọ, Đồng Tháp
102.	SC. TN Như Nghiêm (Huỳnh Thị Xuân)	1970	2001 (25)	Chùa Hưng Thiền Xã Mỹ Thọ, Đồng Tháp
103.	SC. TN Như Minh (Nguyễn Thị Bích Loan)	1970	1998 (28)	Chùa Hưng Quang Xã Lai Vung, Đồng Tháp
104.	SC. TN Lệ Nghiêm (Ngô Thị Xuân Trang)	1977	2001 (25)	Chùa Long Phước P. Sa Đéc, Đồng Tháp
105.	SC. TN Như Nhân (Nguyễn Thị Thi)	1979	2001 (25)	Chùa Hải Huệ P. Sa Đéc, Đồng Tháp
106.	SC. TN Như Tịnh (Tống Mỹ Hiện)	1950	2001 (25)	Chùa Phước Huệ P. Sa Đéc, Đồng Tháp
107.	SC. TN Như Hương (Nguyễn Thị Xuân Hương)	1976	2001 (25)	Chùa Phước Huệ P. Sa Đéc, Đồng Tháp
108.	SC. TN Như Mỹ (Trần Thị Lành)	1977	2001 (25)	Chùa Đức Long Xã Tân Dương, Đồng Tháp
109.	SC. TN Như Ngôn (Trần Thị Xuân Diễm)	1972	2001 (25)	Chùa Giác Đạo Xã Phú Hựu, Đồng Tháp
110.	SC. TN Liễu Ân (Nguyễn Thị Kim Tuyền)	1968	2001 (25)	Chùa Bửu An P. Sa Đéc, Đồng Tháp
111.	SC. TN Huệ Liên (Nguyễn Thị Mướt)	1968	1998 (28)	Chùa Long An P. Sa Đéc, Đồng Tháp
112.	SC. TN Diệu Nguyện (Huỳnh Thị Riếp)	1961	2001 (25)	Chùa Thiên Đà P. Cao Lãnh, Đồng Tháp
113.	SC. TN Huệ Quí (Nguyễn Thị Ngọc Quí)	1967	2000 (26)	Chùa Long An P. Sa Đéc, Đồng Tháp
114.	SC. TN Như Liên (Dư Thị Liên)	1951	2001 (25)	Tịnh thất Bửu Ân P. An Bình, Đồng Tháp
115.	SC. TN Huệ Thảo (Tăng Thị Hiếu Thảo)	1973	1998 (28)	Chùa Liên Hoa Xã Mỹ Lợi, Đồng Tháp
116.	SC. TN Nguyên Thảo (Phạm Thị Kim Cúc)	1980	2000 (26)	Chùa Phổ Tịnh Xã Cái Bè, Đồng Tháp
117.	SC. TN Như Thắng (Đoàn Thị Chiến)	1977	2001 (25)	Chùa Phổ Tịnh Xã Cái Bè, Đồng Tháp
118.	SC. TN Phương Hòa (Đỗ Thị Xuân Dung)	1972	1998 (28)	Chùa Pháp Lạc Xã Hội Cư, Đồng Tháp
119.	SC. TN Huệ Huệ (Lê Thị Minh Ngọc)	1977	2001 (25)	Chùa Kim Thiền Xã An Hữu, Đồng Tháp

120.	SC. TN Trung Nhân (Võ Thị Mỹ Dung)	1979	2001 (25)	Chùa Nam An Xã Vĩnh Kim, Đồng Tháp
121.	SC. TN Diệu Thanh (Dương Thị Phụng)	1967	2000 (26)	Chùa Sơn Tăng Xã Châu Thành, Đồng Tháp
122.	SC. TN Huệ Hương (Nguyễn Thị Bé)	1954	1992 (34)	Chùa Phước Long Xã Kim Sơn, Đồng Tháp
123.	SC. TN Diệu Trang (Nguyễn Thị Hai)	1953	1998 (28)	Chùa Phước Trường Xã Mỹ Tịnh An, Đồng Tháp
124.	SC. TN Tịnh Hoa (Đỗ Thị Thu Hương)	1972	1998 (28)	Chùa Tịnh Nghiêm P. Mỹ Phong, Đồng Tháp
125.	SC. TN Tuệ Hạnh (Võ Thị Kim Liên)	1953	1998 (28)	Chùa Tân Bửu P. Bình Xuân, Đồng Tháp

TỈNH GIA LAI: 29 vị

126.	SC. TN Chơn Hoàng (Phạm Thị Kim Loan)	1975	2000 (26)	Chùa Từ Vân Xã Tuy Phước Đông, Gia Lai
127.	SC. TN Giác Minh (Nguyễn Thị Huệ)	1969	2001 (25)	Chùa Thiền Phước Xã Tuy Phước Bắc, Gia Lai
128.	SC. TN Đồng Ân (Nguyễn Thị Đức)	1975	2000 (26)	Chùa Quang Phước Xã Tuy Phước, Gia Lai
129.	SC. TN Minh Đức (Nguyễn Thị Lệ Thủy)	1978	2000 (26)	Chùa Bình Ân Xã Tuy Phước Tây, Gia Lai
130.	SC. TN Tâm Hảo (Nguyễn Thị Kim Hoàng)	1971	2000 (26)	Chùa Hải Quang Xã Tuy Phước Bắc, Gia Lai
131.	SC. TN Tịnh Nghĩa (Hà Thị Phúc)	1968	1999 (27)	Chùa Kim Hòa Phường An Nhơn Đông, Gia Lai
132.	SC. TN Minh Chiếu (Lê Thị Trương)	1979	2001 (25)	Chùa Sanh Liên Phường An Nhơn Nam, Gia Lai
133.	SC. TN Thường Tánh (Phan Thị Tâm)	1969	1999 (27)	Chùa Phước Long Xã Đề Gi, Gia Lai
134.	SC. TN Huệ Nguyên (Nguyễn Thị Tuyết Hạnh)	1971	1996 (30)	Tịnh thất Bảo Sơn Phường Quy Nhơn Nam, Gia Lai
135.	SC. TN Minh Đạo (Nguyễn Thị Bảy)	1978	2001 (25)	Chùa Nhân Quả Phường Quy Nhơn Nam, Gia Lai
136.	SC. TN Đức Nguyện (Ngô Thị Mai)	1973	2000 (26)	Chùa Bửu Thắng Xã Bình An, Gia Lai
137.	SC. TN Minh Lực (Dương Thị Bộ)	1957	1995 (31)	Chùa Quang Sơn Xã Bình Hiệp, Gia Lai

138.	SC. TN Huệ Nguyệt (Trần Thị Chỉnh)	1978	2001 (25)	Chùa Quang Sơn Xã Bình Hiệp, Gia Lai
139.	SC. TN Quảng Phước (Đặng Thị Hồng)	1972	2000 (26)	Chùa Hoài Tân Phường Hoài Nhơn Nam, Gia Lai
140.	SC. TN Minh Tâm (Hồ Thị Sen)	1978	2001 (25)	Chùa Mỹ Hòa Xã Hòa Hội, Gia Lai
141.	SC. TN Liên Duyên (Nguyễn Thị Hiền)	1974	2000 (26)	Tịnh thất Ngọc Tín Xã Phù Cát, Gia Lai
142.	SC. TN Trung Liên (Ngô Thị Kim Hoa)	1948	2000 (26)	Tịnh xá Ngọc Bửu Phường Quy Nhơn, Gia Lai
143.	SC. TN Thành Liên (Nguyễn Thị Song)	1960	1998 (28)	Chùa Từ Vân Phường Quy Nhơn Đông, Gia Lai
144.	SC. TN Liên Công (Nguyễn Thị Phượng)	1972	1996 (30)	Tịnh xá Bửu Quang Xã Tuy Phước, Gia Lai
145.	SC. TN Thái Liên (Huỳnh Thị Thanh Phụng)	1968	1989 (37)	Tịnh xá Bửu Quang Xã Tuy Phước, Gia Lai
146.	SC. TN Liên Linh (Nguyễn Thị Bình)	1968	2000 (26)	Tịnh xá Ngọc Nhuận Phường Quy Nhơn, Gia Lai
147.	SC. TN Dung Liên (Nguyễn Thị Thơm)	1966	1994 (32)	Tịnh xá Bửu Quang8 Xã Tuy Phước, Gia Lai
148.	SC. TN Liên Thiền (Nguyễn Thị Vân)	1956	2001 (25)	Tịnh xá Ngọc Vân Xã Tuy Phước Đông, Gia Lai
149.	SC. TN Thanh Liên (Đinh Thị Kiền)	1964	1989 (37)	Tịnh xá Ngọc Định Phường Quy Nhơn Tây, Gia Lai
150.	SC. TN Khương Liên (Bùi Thị Lâm)	1973	2000 (26)	Tịnh xá Ngọc Thiền Phường Quy Nhơn Tây, Gia Lai
151.	SC. TN Liên Đài (Nguyễn Thị Mai)	1978	2001 (25)	Thôn Tao Ko Xã Ia Hrú, Gia Lai
152.	SC. TN Yến Liên (Nguyễn Thị Hồng)	1976	2001 (25)	Tịnh xá Ngọc Trung Phường An Khê, Gia Lai
153.	SC. TN Liên Diễm (Huỳnh Thị Hồng)	1976	2001 (25)	Tổ 2, Trà Đa, Phường Pleiku Tỉnh Gia Lai
154.	SC. TN Lợi Liên (Bùi Thị Thanh Loan)	1970	1994 (32)	Tịnh xá Ngọc Bảo Phường Pleku, Gia Lai

TP. HÀ NỘI: 48 vị

155.	SC. Thích Đàm Thảo (Đỗ Thị Mẫn)	1955	1992 (26)	Chùa Liên Hoa, phường Định Công, Tp. Hà Nội

156.	SC. Thích Đàm Thành (Nguyễn Thị Tuyết)	1958	1995 (29)	Chùa Cối Giang, xã Đông Anh, Tp. Hà Nội
157.	SC. Thích Đàm Nhân (Lê Thị Cước)	1952	1997 (25)	Chùa Linh Phúc, xã Phượng Dực, Tp. Hà Nội
158.	SC. Thích Đàm Như (Nguyễn Thị Tĩnh)	1973	2001 (25)	Chùa Yên Khê, xã Phù Đổng, Tp. Hà Nội
159.	SC. Thích Đàm Thủy (Trần Thị Hải)	1965	1993 (25)	Chùa Khánh Linh, xã Phù Đổng, Tp. Hà Nội
160.	SC. Thích Đàm Nhâm (Nguyễn Thị Tâm)	1962	1996 (25)	Chùa Hoàng Kim, xã Quốc Oai, Tp. Hà Nội
161.	SC. Thích Đàm Thiền (Dương Thị Bình)	1978	2001 (25)	Chùa Lạc Lâm, xã Hưng Đạo, Tp. Hà Nội
162.	SC. Thích Đàm Lâm (Đỗ Thị Mận)	1971	2001 (25)	Chùa Am Sáo, xã Hưng Đạo, Tp. Hà Nội
163.	SC. Thích Đàm Đạo (Bùi Thị Ngát)	1970	2000 (25)	Chùa Thượng Tiết, xã Mỹ Đức, Tp. Hà Nội
164.	SC. Thích Đàm Hậu (Hoàng Thị Hoa)	1960	2000 (25)	Chùa Động Phí, xã Vân Đình, Tp. Hà Nội
165.	SC. Thích Đàm Hương (Nguyễn Thị Hoài)	1975	2001 (25)	Chùa Ngoại Hoàng, xã Hòa Xá, Tp. Hà Nội
166.	SC. Thích Đàm Minh (Phùng Thị Hiền)	1971	1999 (25)	Chùa Vân Đình, xã Vân Đình, Tp. Hà Nội
167.	SC. Thích Đàm Minh (Vũ Thị Minh)	1963	2000 (25)	Chùa Cung Thuế, xã Ứng Hòa, Tp. Hà Nội
168.	SC. Thích Đàm Lượng (Bùi Thị Miến)	1964	1996 (25)	Chùa Đỗ Hà, xã Thường Tín, Tp. Hà Nội
169.	SC. Thích Đàm Hà (Hoàng Thị Hà)	1980	2001 (25)	Chùa Khê Hồi, xã Hồng Vân, Tp. Hà Nội
170.	SC. Thích Đàm Hòa (Phạm Thị Huê)	1967	2000 (25)	Chùa Trung Lập, Tp. Hà Nội
171.	SC. Thích Đàm Chuyền (Nguyễn Thị Vang)	1975	2001 (25)	Chùa Bảo Phúc, xã Hoài Đức, Tp. Hà Nội
172.	SC. Thích Giác Nghiêm (Đỗ Thị Thu)	1978	2001 (25)	Chùa Kỳ Đà, xã Sơn Đồng, Tp. Hà Nội
173.	SC. Thích Đàm Thu (Vũ Thị Vân)	1977	2001 (25)	Chùa Văn Phú, xã Kiến Hưng, Tp. Hà Nội
174.	SC. Thích Đàm Hằng (Hoàng Thị Hải)	1971	2001 (25)	Chùa Biên Giang, xã Chương Mỹ, Tp. Hà Nội

175.	SC. Thích Đàm Nguyên (Vũ Thị Nữ)	1970	1999 (25)	Chùa Quan Hoa, P. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
176.	SC. Thích Đàm Vinh (Nguyễn Thị Trọng)	1966	1998 (25)	Chùa Thọ Tháp, Tp. Hà Nội
177.	SC. Thích Đàm Liên (Đào Thị Yên)	1963	2001 (25)	Chùa Mai Trai, xã Sơn Tây, Tp. Hà Nội
178.	SC. Thích Đàm Hồng (Đặng Thị Hường)	1975	2001 (25)	Chùa Triệu Xuyên, xã Phúc Thọ, Tp. Hà Nội
179.	SC. Thích Đàm Nguyên (Hoàng Thị Minh)	1968	2001 (25)	Chùa Quang Húc, xã Quảng Oai, Tp. Hà Nội
180.	SC. Thích Đàm Dưỡng (Thái Thị Lợi)	1965	1999 (25)	Chùa Trăm Gian, xã Chương Mỹ, Tp. Hà Nội
181.	SC. Thích Đàm Lý (Nguyễn Thị Lý)	1967	1995 (25)	Chùa Non Nông, xã Chương Mỹ, Tp. Hà Nội
182.	SC. Thích Đàm Pháp (Đỗ Thị Liên)	1975	2001 (25)	Chùa Linh Tiên, xã Phú Nghĩa, Tp. Hà Nội
183.	SC. Thích Đàm Hòa (Hà Thị Hòa)	1976	2001 (25)	Chùa Trầm Hang, xã Chương Mỹ, Tp. Hà Nội
184.	SC. Thích Đàm Huệ (Dương Thị Tiến)	1975	1995 (25)	Chùa Quỳnh Lâm, xã Tiến Thắng, Tp. Hà Nội
185.	SC. Thích Diệu Minh (Trần Thị Lan Minh)	1976	2001 (25)	Chùa Vạn Phúc, xã Quang Minh, Tp. Hà Nội
186.	SC. Thích Diệu Tịnh (Nguyễn Thị Hoa)	1962	2001 (25)	Chùa An Hòa, xã Vĩnh Thanh, Tp. Hà Nội
187.	SC. Thích Đàm Hoàn (Phạm Thị Ngát)	1974	2000 (25)	Chùa Gia Phúc, xã Đông Anh, Tp. Hà Nội
188.	SC. Thích Đàm Liên (Phạm Thị Hương)	1963	2001 (25)	Chùa Việt Yên, xã Thanh Trì, Tp. Hà Nội
189.	SC. Thích Diệu Khương (Đỗ Thị Bích Thủy)	1978	2001 (25)	Chùa Vĩnh Thịnh, xã Ngọc Hồi, Tp. Hà Nội
190.	SC. Thích Diệu Giang (Phan Thị Giang)	1981	2001 (25)	Chùa Lưu Phái, xã Thanh Trì, Tp. Hà Nội
191.	SC. Thích Minh Nguyệt (Nguyễn Thị Nguyệt)	1966	1999 (25)	Chùa Bảo Tháp, xã Đại Thanh, Tp. Hà Nội
192.	SC. Thích Đàm Hường (Phạm Thị Hường)	1976	1996 (25)	Chùa Bảo Quang, xã Nội Bài, Tp. Hà Nội
193.	SC. Thích Đàm Thiện (Phạm Thị Hà)	1966	2001 (25)	Chùa Quán Âm, xã Trung Giã, Tp. Hà Nội

194.	SC. Thích Tịnh Hòa (Trịnh Thị Lư)	1964	2001 (25)	Chùa Ngọc Hà, xã Đa Phúc, Tp. Hà Nội
195.	SC. Thích Đàm Thủy (Trịnh Thị Đông)	1974	2001 (25)	Chùa Hoàng Lưu, xã Phượng Dực, Tp. Hà Nội
196.	SC. Thích Đàm Ni (Nguyễn Thị Ni)	1953	1987 (25)	Chùa Giã, xã Bình Minh, Tp. Hà Nội
197.	SC. Thích Đàm Chuyên (Vũ Thị Tý)	1969	1999 (25)	Chùa Đại Định, xã Tam Hưng, Tp. Hà Nội
198.	SC. Thích Đàm Thơm (Nguyễn Thị Loan)	1979	2001 (25)	Chùa Già Lê, xã Ô Diên, Tp. Hà Nội
199.	SC. Thích Đàm Vinh (Nguyễn Thị Thục)	1979	1997 (25)	Chùa Thiên Phúc, xã Ô Diên, Tp. Hà Nội
200.	SC. Thích Đàm Lý (Đỗ Thị Nga)	1971	2001 (25)	Chùa Động Linh, xã Đan Phượng, Tp. Hà Nội
201.	SC. Thích Đàm Tân (Nguyễn Thị Tần)	1956	1991 (30)	Chùa Phúc Linh, thôn Đông Phong, xã Quảng Oai, Tp. Hà Nội
202.	SC. Thích Đàm Yên (Nguyễn Thị Đỏ)	1963	1997 (29)	Chùa Đồng Hoàng, xã Yên Nghĩa, Tp. Hà Nội

TP. HẢI PHÒNG: 38 vị

203.	SC. Thích Diệu Lương (Lê Thị Hiền)	1962	1998 (27)	Chùa Văn Quang, xã An Lão, Tp. Hải Phòng
204.	SC. Thích Diệu Minh (Bùi Thị Tám)	1965	2000 (26)	Chùa Trường Xuân, xã Nghi Dương, Tp. Hải Phòng
205.	SC. Thích Diệu Hương (Vũ Thị Cảng)	1966	2000 (26)	Chùa An Lạc, phường Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
206.	SC. Thích Diệu Tĩnh (Bùi Thị Thanh)	1963	1999 (26)	Chùa Quỳnh Lâm, phường An Dương, Tp. Hải Phòng
207.	SC. Thích Diệu Viên (Nguyễn Thị Chuyên)	1975	2000 (26)	Chùa Kỳ Viên, xã An Hưng, Tp. Hải Phòng
208.	SC. Thích Hạnh Như (Ngô Thị Hiền)	1978	1999 (26)	Chùa Linh Ứng, xã Kiến Thụy, Tp. Hải Phòng
209.	SC. Thích Diệu Thiện (Phạm Thị Toán)	1973	1999 (25)	Chùa Hầu, xã An Hưng, Tp. Hải Phòng
210.	SC. Thích Diệu Linh (Hoàng Thị Yến)	1969	2001 (25)	Chùa Vĩnh Khánh, xã Kiến Thụy, Tp. Hải Phòng

211.	SC. Thích Diệu Minh (Đoàn Thị Hỡi)	1971	2001 (25)	Chùa Giản Lâm, xã Vĩnh An, Tp. Hải Phòng
212.	SC. Thích Diệu Hướng (Nguyễn Thị Thu Hoài)	1971	2001 (25)	Chùa Vĩnh Linh, phường Phù Liễn, Tp. Hải Phòng
213.	SC. Thích Diệu Hiếu (Vũ Thị Hảo)	1959	2001 (25)	Chùa Hồng Phúc, xã Nghi Dương, Tp. Hải Phòng
214.	SC. Thích Tịnh Dương (Nguyễn Thị Hạnh)	1971	2001 (25)	Chùa Long Tiên, xã Việt Khê, Tp. Hải Phòng
215.	SC. Thích Diệu Thanh (Đỗ Thị Nụ)	1973	1998 (25)	Chùa Quán Âm, phường Lê Ích Mộc, Tp. Hải Phòng
216.	SC. Thích Giới Định (Phạm Thị Hồng Vân)	1970	2001 (25)	Chua Hoa Linh, phường Đông Hải, Tp. Hải Phòng
217.	SC. Thích Diệu Tịnh (Phạm Thị Bẩy)	1973	2001 (25)	Chùa Thanh Long, phường Dương Kinh, Tp. Hải Phòng
218.	SC. Thích Diệu Nhật (Nguyễn Thị Thủy)	1975	2001 (25)	Chùa Duyên Khánh, phường Dương Kinh, Tp. Hải Phòng
219.	SC. Thích Tịnh Nguyên (Nguyễn Thị Hằng)	1979	2001 (25)	Chùa Bảo Quang, phường Bạch Đằng, Tp. Hải Phòng
220.	SC. Thích Diệu Dương (Hoàng Thị Tuyên)	1969	2001 (25)	Chùa Phổ Minh, phường Gia Viên, Tp. Hải Phòng
221.	SC. Thích Nữ Diệu Hòa (Nguyễn Thị Thu Hiền)	1973	1999 (26)	Chua Phúc Thành, xã Lạc Phượng, Tp. Hải Phòng
222.	SC. Thích Minh Hiền (Bùi Thị Mơ)	1975	2001 (25)	Chùa Hoa Duyên, xã Nam Thanh Miện, Tp. Hải Phòng
223.	SC. Thích Bảo Giang (Nguyễn Thị Sen)	1976	1999 (25)	Chùa Thanh Phong, xã Tân Kỳ, Tp. Hải Phòng
224.	SC. Thích Nữ Thiền Phổ (Nguyễn Thị Hà)	1970	2000 (25)	Chùa Khánh Linh, xã Lạc Phượng, Tp. Hải Phòng
225.	SC. Thích Nữ Nhật Thảo (Hoàng Thị Hiếu)	1973	2000 (26)	Chùa Thanh Tân, xã Chí Minh, Tp. Hải Phòng
226.	SC. Thích Diệu Tĩnh (Hồ Thị Vẻ)	1961	2000 (26)	Chùa Phúc Châu, xã Lai Khê, Tp. Hải Phòng
227.	SC. Thích Đàm Phúc (Hứa Thị Len)	1969	1997 (26)	Chùa Vân Tiên, xã Kinh Môn, Tp. Hải Phòng
228.	SC. Thích Nữ Như Hải (Nguyễn Thị Út)	1975	2000 (26)	Chùa Thiên Bồng, phường Nam Đồng, Tp. Hải Phòng

229.	SC. Thích Bảo Hiền (Trần Thị Hiền)	1971	2000 (25)	Chùa Kiên Quang, xã Kim Thành, Tp. Hải Phòng
230.	SC. Thích Diệu Hiền (Hoàng Thị Thu Liễu)	1971	1998 (26)	Chùa Kim Liên, xã Phú Thái, Tp. Hải Phòng
231.	SC. Thích Thùy Liên (Đỗ Kim Nhung)	1962	2001 (25)	Chùa Diên Khánh, xã An Thành, Tp. Hải Phòng
232.	SC. Thích Diệu Thanh (Trần Thị Dịu)	1979	1999 (26)	Chùa Hưng Khánh, xã Hà Bắc, Tp. Hải Phòng
233.	SC. Thích Diệu Phúc (Trần Thị Hải)	1972	2001 (25)	Chùa Vũ Môn, xã Tuệ Tĩnh, Tp. Hải Phòng
234.	SC. Thích Diệu Lương (Nguyễn Thị Lương)	1979	2001 (25)	Chùa Thọ Sơn, xã Hà Bắc, Tp. Hải Phòng
235.	SC. Thích Diệu An (Nguyễn Thị Khanh)	1966	2001 (25)	Chùa Quang Minh, xã An Thành, Tp. Hải Phòng
236.	SC. Thích Diệu Thực (Nguyễn Thị Hòa)	1974	2001 (25)	Chùa Lôi Âm, xã Tuệ Tĩnh, Tp. Hải Phòng
237.	SC. Thích Đàm Lương (Vũ Thị Lụt)	1971	2001 (25)	Chùa Sùng Linh, xã Phú Thái, Tp. Hải Phòng
238.	SC. Thích Đàm Nam (Trần Thị Duyên)	1974	2001 (25)	Chùa Phúc Quán, phường Việt Hòa, Tp. Hải Phòng
239.	SC. TN Tịnh Châu (Nguyễn Thị Hằng)	1977	1999 (26)	Chùa An Lập, phường Nam Triệu, Tp. Hải Phòng
240.	SC. Thích Diệu Thành (Đồng Thị Thành)	1956	1998 (26)	Chùa Vĩnh An, phường Thủy Nguyên, Tp. Hải Phòng

TP. HỒ CHÍ MINH: 106 vị

241.	SC. TN Diệu Thanh (Đặng Thị Minh Thủy)	1971	1999 (27)	Chùa Pháp Đạt Xã Bà Điểm, Tp. Hồ Chí Minh
242.	SC. TN Chúc Lộc (Ngô Thị Thạnh)	1977	2001 (25)	Chùa Linh Bửu P. Khánh Hội, Tp. HCM
243.	SC. TN Chúc Luận (Trần Thị Xem)	1973	2001 (25)	Chùa Linh Bửu P. Khánh Hội, Tp. HCM
244.	SC. TN Giới Chánh (Cáp Thị Yến)	1976	2001 (25)	Chùa Thiền Quang P. Tân Bình, Tp. HCM
245.	SC. TN Viên Quán (Võ Thị Duyên)	1975	1999 (27)	Chùa Liên Hoa P. Bình Lợi Trung, Tp. HCM

246.	SC. TN Tâm Thủy (Dương Thị Bạch Tuyết)	1974	2001 (25)	Chùa Sùng Đức P. Thủ Đức, Tp. HCM
247.	SC. TN An Tịnh (Nguyễn Thị Diệp Thúy)	1968	2001 (25)	Chùa Pháp Hiệp Xã Tân An Hội, Tp. HCM
248.	SC. TN Nhuận Sáng (Lê Thị Tuyết Anh)	1972	2001 (25)	Chùa Thích Ca P. Nhiêu Lộc, Tp. HCM
249.	SC. TN Tâm Ngộ (Nghiêm Thị Hồng Thúy)	1978	2001 (25)	Chùa Bát Nhã P. Bình Thạnh, Tp. HCM
250.	SC. TN Thiện Giải (Vũ Thị Nhài)	1977	1999 (27)	Chùa Liên Hoa P. Bình Lợi Trung, Tp. HCM
251.	SC. TN Như Hoàn (Nguyễn Thị Kiều Mẫn)	1968	1999 (27)	Chùa Lâm Quang P. Phú Định, Tp. HCM
252.	SC. TN Huệ Hương (Trần Thị Thanh Hải)	1971	1988 (38)	Phường Bình Thạnh Tp. HCM
253.	SC. TN Tâm Nghiêm (Phạm Thị Tươi)	1964	1995 (31)	Chùa Viên Giác Xã Bà Điểm, Tp. HCM
254.	SC. TN Tuệ Vân (Phạm Thị Kim Thu)	1978	2001 (25)	Chùa Pháp Lạc Xã Hưng Long, Tp. HCM
255.	SC. TN Nguyên Thảo (Nguyễn Thị Hạnh)	1966	1998 (28)	Chùa Hưng Quang P. Thới An, Tp. HCM
256.	SC. TN Huệ Nhã (Nguyễn Thị Ngọc Lan)	1974	2001 (25)	Tịnh thất Phước Nghiêm Xã Bà Điểm, Tp. HCM
257.	SC. TN An Định (Huỳnh Thị Kim Loan)	1970	2001 (25)	Chùa Pháp Quang P. Bình Đông, Tp. HCM
258.	SC. TN Chúc Hạnh (Lưu Tiết Hạnh)	1961	2001 (25)	Chùa Vạn Quang Xã Tân Vĩnh Lộc, Tp. HCM
259.	SC. TN Như Hải (Phạm Thị Nga)	1972	2001 (25)	Chùa Vạn Phước P. An Lạc, Tp. HCM
260.	SC. TN Phước Tâm (Nguyễn Thị Chín)	1970	2001 (25)	Chùa Phước Thạnh P. Tân Sơn Nhì, Tp. HCM
261.	SC. TN Tâm Đạo (Nguyễn Thị Yến Liên)	1980	2001 (25)	Pháp Hoa Thiền Viện P. Bình Lợi Trung, Tp. HCM
262.	SC. TN Chi Liên (Nguyễn Thị Mỹ Chi)	1972	2001 (25)	Tịnh xá Ngọc Phương P. Hạnh Thông, Tp. HCM
263.	SC. TN Pháp Liên (Ngô Thị Kiều Oanh)	1971	2001 (25)	Tịnh xá Ngọc Phương P. Hạnh Thông, Tp. HCM
264.	SC. TN Phước Tín (Tống Thị Bảy)	1973	2001 (25)	Chùa Phước Thạnh P. Tân Sơn Nhì, Tp. HCM

265.	SC. TN Tuệ Nguyên (Mang Viên Bích Thủy)	1970	1999 (27)	Tịnh thất Diệu Không Xã Hóc Môn, Tp. HCM
266.	SC. TN Diệu Minh (Nguyễn Thị Tường Kim)	1977	2001 (25)	Chùa Vĩnh Phước P. Đông Hưng Thuận, Tp. HCM
267.	SC. TN Thánh Tâm (Trương Thị Thu Hiền)	1975	2001 (25)	Chùa Từ Nghiêm P. Vườn Lài, Tp. HCM
268.	SC. TN Thành Quý (Lê Thị Thanh Loan)	1972	2001 (25)	Ni viện Vạn Hạnh P. Tam Bình, Tp. HCM
269.	SC. TN Thanh Dương (Trần Thị Bé Liễu)	1977	2001 (25)	Chùa Vạn Quang P. Tam Bình, Tp. HCM
270.	SC. TN Chúc Cẩm (Nguyễn Thị Hồng Nhung)	1967	2001 (25)	Chùa Bồ Đề P. Khánh Hội, Tp. HCM
271.	SC. TN Chúc Tâm (Phạm Thị Kim Liên)	1970	1998 (28)	Chùa Bồ Đề P. Khánh Hội, Tp. HCM
272.	SC. TN Niệm Huệ (Tôn Nữ Minh Hồng)	1980	2001 (25)	Chùa Dược Sư P. Bình Lợi Trung, Tp. HCM
273.	SC. TN Hòa Liên (Bùi Thị Cúc)	1971	2001 (25)	Tịnh xá Ngọc Hiền P. An Nhơn, Tp. HCM
274.	SC. TN Trung Tánh (Lê Thị Thanh Vân)	1972	1999 (27)	Tịnh thất Vạn Huệ P. Tam Bình, Tp. HCM
275.	SC. TN Diệu Hoa (Lê Thị Thanh Hương)	1955	2001 (25)	Chùa Đông Linh Xã Đông Thạnh, Tp. HCM
276.	SC. TN Hạnh Định (Ngô Thị Tuyền)	1977	2001 (25)	Chùa Liên Trì P. Bình Lợi Trung, Tp. HCM
277.	SC. TN Chúc Huỳnh (Cao Thị Kim Oanh)	1977	2001 (25)	Chùa Thiên Linh P. Thới An, Tp. HCM
278.	SC. TN Chúc Phương (Cao Thị Hoàng Oanh)	1980	2001 (25)	Chùa Long Thạnh P. Thới An, Tp. HCM
279.	SC. TN Huệ Hải (Nguyễn Thị Thanh Thủy)	1975	2001 (25)	Chùa Linh Sơn P. Đông Hưng Thuận, Tp. HCM
280.	SC. TN Diệu Hoa (Phạm Thị Lý)	1964	2001 (25)	Chùa Thiên Minh P. Đông Hưng Thuận, Tp. HCM
281.	SC. TN Lệ Thuận (Nguyễn Thị Thảo)	1974	2001 (25)	Chùa Vĩnh Phước P. Đông Hưng Thuận, Tp. HCM
282.	SC. TN Phước Nghiêm (Huỳnh Thị Khiêm)	1966	2001 (25)	Chùa Phước Thạnh P. Tân Sơn Nhì, Tp. HCM
283.	SC. TN Như Quang (Huỳnh Thị Kim Phượng)	1974	2000 (26)	Chùa Huê Lâm P. Minh Phụng, Tp. HCM

284.	SC. TN Như Anh (Thân Thị Thu)	1969	2000 (26)	Chùa Huê Lâm P. Minh Phụng, Tp. HCM
285.	SC. TN Như Mỹ (Đào Thị Hường)	1963	2000 (26)	Chùa Huê Lâm P. Minh Phụng, Tp. HCM
286.	SC. TN Chúc Thiền (Nguyễn Thị Cẩm Thúy)	1976	2001 (25)	Chùa Phước An P. Bình Trị Đông, Tp. HCM
287.	SC. TN Tuệ Đạo (Nguyễn Thị Duyến)	1974	2000 (26)	Tịnh thất Diệu Không Xã Hóc Môn, Tp. HCM
288.	SC. TN Như Hương (Nguyễn Tuyết Nga)	1970	2001 (25)	Chùa Phổ Đà P. Bình Lợi Trung, Tp. HCM
289.	SC. TN Lệ Minh (Dương Thị Nguyên)	1966	1999 (27)	Chùa Pháp Quang P. Bình Đông, Tp. HCM
290.	SC. TN Hữu Hiền (Nguyễn Thị Minh Thảo)	1981	2001 (25)	Chùa Bửu Quang P. Chánh Hưng, Tp. HCM
291.	SC. TN Bảo Định (Lê Thị Thu Bích)	1958	1996 (30)	Chùa Bảo Vân P. Gia Định, Tp. HCM
292.	SC. TN Chúc Từ (Lê Thị Thu Hoa)	1979	2001 (25)	Chùa Phật Bửu Xã Phú Hòa Đông, Tp. HCM
293.	SC. TN Tuệ Khai (Huỳnh Thị Kim Loan)	1967	1999 (27)	Tịnh thất Diệu Không Xã Hóc Môn, Tp. HCM
294.	SC. TN Như Giới (Phạm Thị Bích Thủy)	1968	1996 (30)	Chùa Vạn Thiện P. Chợ Quán, Tp. HCM
295.	SC. TN Huệ Mỹ (Trần Thị Bích Ngọc)	1958	2001 (25)	Chùa Bồ Đề Lan Nhã P. Bình Tiên, Tp. HCM
296.	SC. TN Diệu Nghĩa (Bùi Thị Thúy Liễu)	1967	1999 (27)	Chùa Bồ Đề Lan Nhã P. Bình Tiên, Tp. HCM
297.	SC. TN Đồng Nguyệt (Mai Thị Vương Thúy)	1966	2001 (25)	Tịnh thất Phước Duyên Xã Bà Điểm 1, Tp. HCM
298.	SC. TN Diệu Hiền (Phan Thị Hồng Phấn)	1972	2001 (25)	Chùa Bình An P. Tân Tạo, Tp. HCM
299.	SC. TN Diệu Dung (Phạm Thị Cẩm Nhung)	1978	2001 (25)	Chùa Thiên Ân P. Tân Thuận, Tp. HCM
300.	SC. TN Như Chánh (Lê Thị Xuân Oanh)	1972	1994 (32)	Chùa Hưng Phước P. An Hội Đông, Tp. HCM
301.	SC. TN Diệu Tịnh (Lâm Kim Linh)	1951	1998 (28)	Tịnh xá Giác Thông P. Bình Tiên, Tp. HCM
302.	SC. TN Hạnh Vân (Trần Thị Thủy)	1978	1995 (31)	Chùa Liên Trì P. Bình Lợi Trung, Tp. HCM

303.	SC. TN Ngọc Hiệp (Trần Thị Tím)	1961	2001 (25)	Chùa Phổ Huệ P. Bình Tây, Tp. HCM
304.	SC. TN Tùng Liên (Trịnh Thị Thìn)	1967	2001 (25)	Tịnh xá Ngọc Phú P. Bảy Hiền, Tp. HCM
305.	SC. TN Sáng Liên (Nguyễn Thị Thủy)	1970	2001 (25)	Tịnh xá Ngọc Phú P. Bảy Hiền, Tp. HCM
306.	SC. TN Như Tường (Hoàng Thị Tâm)	1954	1977 (49)	Chùa Như Thị P. Bình Trị Đông, Tp. HCM
307.	SC. TN Nhất Như (Nguyễn Thị Hoài Lâm)	1972	2001 (25)	Chùa Như Thị P. Bình Trị Đông, Tp. HCM
308.	SC. TN Nhất Tâm (Cao Thị Diệu Nga)	1973	2001 (25)	Chùa Như Thị P. Bình Trị Đông, Tp. HCM
309.	SC. TN Huệ Định (Phạm Thị Hằng)	1965	2000 (26)	Ni viện Phước Long P. Phước Long, Tp. HCM
310.	SC. TN Huệ Quang (Lê Thị Hải)	1975	1998 (28)	Chùa Phổ Quang P. Đông Hưng Thuận, Tp. HCM
311.	SC. TN Thanh Liên (Lê Thị Lan)	1970	2001 (25)	Tịnh xá Ngọc Phú P. Bảy Hiền, Tp. HCM
312.	SC. TN An Hải (Nguyễn Thị Khánh Hà)	1980	2001 (25)	Chùa Pháp Long P. Thủ Đức, Tp. HCM
313.	SC. TN Tâm Diệu (Nguyễn Thị Hướng)	1976	2001 (25)	Chùa Diệu Quang P. Bình Tân, Tp. HCM
314.	SC. TN Thánh Thuận (Nguyễn Thị Tiểu Kha)	1981	2001 (25)	Chùa Phước Thiện Xã Bình Chánh, Tp. HCM
315.	SC. TN Thánh Chơn (Nguyễn Thị Thúy)	1975	2001 (25)	Chùa Phước Thiện Xã Bình Chánh, Tp. HCM
316.	SC. TN Thánh Thảo (Trần Ngọc Anh)	1957	2001 (25)	Chùa Phước Thiện Xã Bình Chánh, Tp. HCM
317.	SC. TN Thánh Thiện (Thiều Lê Hồng Thủy)	1976	2000 (26)	Chùa Phước Thiện Xã Bình Chánh, Tp. HCM
318.	SC. TN Thánh Liên (Phạm Thị Thanh Mai)	1962	1996 (30)	Chùa Phước Thiện Xã Bình Chánh, Tp. HCM
319.	SC. TN Diệu Hạnh (Trương Thị Đông)	1959	1999 (27)	Chùa Phước Thiện Xã Bình Chánh, Tp. HCM
320.	SC. TN Thanh Trì (Võ Thị Vân Anh)	1980	2000 (26)	Chùa Phước Hải P. Vườn Lài, Tp. HCM
321.	SC. TN An Tâm (Nguyễn Thị Hồng Tuyến)	1976	2001 (25)	Chùa Từ Giác Xã Phú Hòa Đông, Tp. HCM

322.	SC. TN Vạn Nhã (Đinh Thị Loan)	1972	2001 (25)	Chùa Tân Hòa P. Tân Phú, Tp. HCM
323.	SC. TN Diệu Hạnh (Phạm Thị Vân)	1973	2001 (25)	Chùa Tân Hòa P. Tân Phú, Tp. HCM
324.	SC. TN Hạnh Minh (Hồ Thị Cư)	1970	2001 (25)	Chùa Diệu Giác P. An Khánh, Tp. HCM
325.	SC. TN Hạnh Nguyện (Lê Thị Cẩm Lai)	1974	2001 (25)	Chùa Diệu Giác P. An Khánh, Tp. HCM
326.	SC. TN Trí Ngọc (Nguyễn Thị Hồng Ngát)	1967	1994 (32)	Chùa Vạn Thiện Xã Tân Vĩnh Lộc, Tp. HCM
327.	SC. TN Quảng Xuân (Lê Thị Ngọ)	1978	2000 (26)	Chùa Phước Ân P. Thuận Giao, Tp. HCM
328.	SC. TN Tâm Ý (Đoàn Thị Huế)	1968	2001 (25)	Chùa Phước Lâm Xã Phú Giáo, Tp. HCM
329.	SC. TN Đức Tánh (Nguyễn Thị Kim Hoa)	1975	2001 (25)	Chùa Bình Sơn P. Đông Hòa, Tp. HCM
330.	SC. TN Tiến Liên (Nguyễn Thị Phương)	1971	1998 (28)	Tịnh xá Ngọc Bình P. Dĩ An, Tp. HCM
331.	SC. TN Huệ Hảo (Phạm Thị Tuyết)	1965	1994 (32)	Chùa Phước Hưng P. Phú An, Tp. HCM
332.	SC. TN Tuệ Hiếu (Nguyễn Xuân Thanh Thảo Giang)	1978	2001	Chùa Pháp Hoa P. Tây Nam, Tp. HCM
333.	SC. TN Chúc Chánh (Lê Thị Hồng Tâm)	1969	1996 (30)	Chùa Long Khánh P. Tân Khánh, Tp. HCM
334.	SC. TN Viên Hiển (Đặng Ngọc Diễm Thủy)	1962	1998 (28)	Thiền tự Thường Tịch Quang P. Tân Thành, Tp. HCM
335.	SC. TN An Lạc (Nguyễn Thị Hoa)	1970	1998 (28)	Tu Viện Tam Quy P. Tân Hải, Tp. HCM
336.	SC. TN Liên Thiền (Bùi Thị Xuân Lan)	1967	1996 (30)	Tịnh xá Ngọc Nguyên P. Tân Hải, Tp. HCM
337.	SC. TN Diệu Đức (Đoàn Thị Quyết)	1969	2000 (26)	Chùa Từ Hiếu P. Phú Mỹ, Tp. HCM
338.	SC. TN Tịnh Nguyên (Nguyễn Thị Thanh Tâm)	1961	1997 (29)	Chùa Long Hội Xã Phước Hải, Tp. HCM
339.	SC. TN Thông Pháp (Nguyễn Thị Mỹ Hòa)	1966	2000 (26)	Chùa An Lạc Hạnh Xã Long Hải, Tp. HCM
340.	SC. TN Thảo Đức (Dương Thị Huỳnh Lan)	1969	1993 (33)	Chùa Phước Châu P. Phú Mỹ, Tp. HCM

341.	SC. TN Thiền Bửu (Nguyễn Thị Kim Hoán)	1972	2000 (26)	Thiền viện Phổ Chiếu P. Phú Mỹ, Tp. HCM
342.	SC. TN Như Vân (Trần Thị Bé Hai)	1978	2001 (25)	Tu viện Tuệ Giác P. Tân Thành, Tp. HCM
343.	SC. TN Chơn Đăng (Nguyễn Thị Hoàng Phương)	1980	2001 (25)	Chùa Chánh Giác Xã Xuân Sơn, Tp. HCM
344.	SC. TN Trung Định (Võ Thị Thu Hà)	1970	1994 (32)	Chùa Tịnh Quang Xã Nghĩa Thành, Tp. HCM
345.	SC. TN Quảng Châu (Nguyễn Thị Dạ Thảo)	1973	2001 (25)	Chùa Huệ Quang P. Phú Mỹ, Tp. HCM
346.	SC. TN Tâm Minh (Đặng Thị Phương Hiếu)	1974	2001 (25)	Chùa Quan Âm Ni Viện P. Vũng Tàu, Tp. HCM

TP. HUẾ: 05 vị

347.	SC. TN Diệu Hạnh (Tôn Nữ Minh Thảo)	1972	2000 (26)	Chùa Đức Viên P. Thanh Thủy, Tp. Huế
348.	SC. TN Như Phước (Đỗ Thị Lành)	1971	2000 (26)	Chùa Phú Lương B Xã Quảng Điền, Tp. Huế
349.	SC. TN Hạnh Chơn (Võ Thị Thủy)	1978	2001 (25)	Chùa Phò Nam Xã Quảng Điền, Tp. Huế
350.	SC. TN An Thành (Nguyễn Thị Như Mai)	1977	2001 (25)	NPĐ Thanh Lương P. Kim Trà, Tp. Huế
351.	SC. TN Chơn Khai (Nguyễn Thị Ty)	1977	2001 (25)	Chùa Thượng An P. Phong Thái, Tp. Huế

TỈNH HƯNG YÊN: 23 vị

352.	SC. Thích Đàm Như (Phạm Thị Khuy)	1977	2000 (25)	Chùa Linh Sơn, xã Hưng Phú, tỉnh Hưng Yên
353.	SC. Thích Đàm Trường (Hoàng Thị Thú)	1973	2000 (25)	Chùa Trường Khánh, xã Nam Cường, tỉnh Hưng Yên
354.	SC. Thích Đàm Thỏa (Vũ Thị Thỏa)	1970	2000 (25)	Chùa Thư Điền, xã Ái Quốc, tỉnh Hưng Yên
355.	SC. Thích Đàm Mậu (Trần Thị Mậu)	1960	2000 (25)	Chùa Hoàng Kim, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên
356.	SC. Thích Đàm Tuế (Lê Thị Tuế)	1959	2000 (25)	Chùa Hội Châu, xã Đông Quan, tỉnh Hưng Yên
357.	SC. Thích Đàm Oanh (Trần Thị Oanh)	1961	2000 (25)	Chùa Hưng Phúc, xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên

358.	SC. Thích Đàm Thanh (Trịnh Thị Thanh)	1972	2000 (25)	Chùa Khánh Hưng, xã Thư Vũ, tỉnh Hưng Yên
359.	SC. Thích Đàm Thùy (Triệu Thị Thùy)	1974	1997 (25)	Chùa Cảm Ứng, xã Vũ Tiên, tỉnh Hưng Yên
360.	SC. Thích Đàm Thuận (Đặng Thị Thuận)	1968	2000 (25)	Chùa Tùng Lâm, xã Vạn Xuân, tỉnh Hưng Yên
361.	SC. Thích Diệu Hòa (Đỗ Thị Dung)	1979	2000 (25)	Chùa Minh Châu, xã Đồng Châu, tỉnh Hưng Yên
362.	SC. Thích Đàm Phúc (Đào Thị Lai)	1960	2000 (25)	Chùa Phúc Quang, xã hồng Vũ, Tỉnh Hưng Yên
363.	SC. Thích Tâm Ấn (Đào Thị Nhấn)	1971	2000 (25)	Chùa Trung Quang, xã hồng Vũ, tỉnh Hưng Yên
364.	SC. Thích Đàm Gấm (Nguyễn Thị Gấm)	1971	2000 (25)	Chùa Phúc Lâm, xã Thần Khê, tỉnh Hưng Yên
365.	SC. Thích Đàm Nhàn (Trịnh Thị An)	1978	2000 (25)	Chùa Cao Lăng, xã Quỳnh An, tỉnh Hưng Yên
366.	SC. Thích Đàm Thành (Nguyễn Thị Oanh)	1972	1999 (26)	Chùa Đống Long, xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên
367.	SC. Thích Đàm Phượng (Lê Thị Hằng)	1962	2001 (25)	Chùa Đồng An, xã Nghĩa Dân, tỉnh Hưng Yên
368.	SC. Thích Đàm Huân (Hà Thị Huân)	1963	2000 (25)	Chùa An Cảnh, xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên
369.	SC. Thích Thiện Duyên (Cù Thị Yên)	1972	2001 (25)	Chùa Liên Hoa, xã Nguyễn Trãi, tỉnh Hưng Yên
370.	SC.Thích Diệu Hồng (Lê Thị Hồng)	1977	1999 (25)	Chùa Phúc Lâm, xã Việt Tiến, tỉnh Hưng Yên
371.	SC. Thích Đàm Tâm (Ngô Thị Tâm)	1973	2001 (25)	Chùa Khánh Quang, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên
372.	SC. Thích Hà Trang (Phạm Thị Niềm)	1972	2000 (25)	Chùa Đức Quang, xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên
373.	SC. Thích Thiện Quyết (Nguyễn Thị Quyết)	1972	1999 (25)	Chùa Phương Long, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên
374.	SC. TN Hiếu Từ (Vũ Thị Hường)	1972	2000 (25)	Chùa Hưng Phúc, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên

TỈNH KHÁNH HÒA: 25 vị

375.	SC. TN Chơn Phú (Quảng Thị Ngọc Linh)	1982	2001 (25)	Chùa Lộc Thọ P. Tây Nha Trang, Khánh Hòa
376.	SC. TN Thông Ngân (Ngô Thị Lệ Nghiêm)	1975	2001 (25)	Chùa Thạnh Đức P. Nam Ninh Hòa, Khánh Hòa
377.	SC. TN Viên Toàn (Nguyễn Thị Thùy Trang)	1976	2001 (25)	Chùa Phước Quang P. Nam Nha Trang, Khánh Hòa
378.	SC. TN Hương Châu (Lê Kim Huệ)	1973	1999 (27)	Chùa Phước Hòa Xã Bắc Ninh Hòa, Khánh Hòa
379.	SC. TN Liên Tứ (Nguyễn Thị Tư)	1974	2001 (25)	Tịnh xá Ngọc Thủy P. Tây Nha Trang, Khánh Hòa
380.	SC. TN Chánh Pháp (Nguyễn Thị Thẩn)	1974	2001 (25)	Chùa Kim Quang P. Bắc Nha Trang, Khánh Hòa
381.	SC. TN Chơn Dung (Nguyễn Thị Tuyền)	1975	2001 (25)	Chùa Thiên Hòa P. Tây Nha Trang, Khánh Hòa
382.	SC. TN Ánh Liên (Đỗ Thị Hồng)	1975	2001 (25)	Tịnh Độ Ni Giới P. Bắc Nha Trang, Khánh Hòa
383.	SC. TN Chánh Quang (Nguyễn Thị Diệu)	1970	2001 (25)	Chùa Hải Quang P. Bắc Nha Trang, Khánh Hòa
384.	SC. TN Anh Liên (Thái Lan Hường)	1971	2001 (25)	Tịnh xá Ngọc Hải P. Bắc Nha Trang, Khánh Hòa
385.	SC. TN Liên Ý (Trần Thị Thu Vân)	1971	2001 (25)	Tịnh xá Ngọc Vân Xã Vạn Hưng, Khánh Hòa
386.	SC. TN Quyên Liên (Nguyễn Thị Gái)	1974	2001 (25)	Tịnh xá Ngọc Hiệp P. Ninh Hòa, Khánh Hòa
387.	SC. TN Hạnh Đoan (Đặng Thị Tý)	1972	2001 (25)	Chùa Nghĩa Lương P. Bắc Nha Trang, Khánh Hòa
388.	SC. TN Diệu Lạc (Nguyễn Thị Hoàng Trang)	1976	2001 (25)	Chùa Bửu Minh Xã Diên Lâm, Khánh Hòa
389.	SC. TN Liên Hậu (Lê Thị Hiền)	1980	2001 (25)	Tịnh Độ Ni Giới P. Bắc Nha Trang, Khánh Hòa
390.	SC. TN Liên Kim (Võ Thị Mỹ Hồng)	1966	2001 (25)	Tịnh xá Ngọc Tân Xã Cam Lâm, Khánh Hòa
391.	SC. TN Tuệ Hạnh (Đặng Thị Hồng)	1947	2001 (25)	Chùa Phổ Minh Xã Cam Lâm, Khánh Hòa
392.	SC. TN Linh Tịnh (Phạm Thị Dung)	1958	2000 (26)	Chùa Vạn An Xã Vạn Ninh, Khánh Hòa

393.	SC. TN Kiều Pháp (Lê Thị Kiều Vi)	1972	2001 (25)	Chùa Minh Đức Xã Diên Khánh, Khánh Hòa
394.	SC. TN Liên Liên (Nguyễn Thị Mai)	1968	2001 (25)	Tịnh xá Ngọc Bảo P. Bảo An, Khánh Hòa
395.	SC. TN Nhuận Hậu (Trần Thị Loan)	1968	2001 (25)	Chùa Đông Nhạc P. Đông Hải, Khánh Hòa
396.	SC. TN Chơn Thành (Nguyễn Thị Lý)	1968	2000 (26)	Chùa Phước Đức P. Bảo An, Khánh Hòa
397.	SC. TN Liên Tuyết (Hồ Thị Phương Lan)	1971	2000 (26)	Tịnh xá Ngọc Hải P. Ninh Chữ, Khánh Hòa
398.	SC. TN Nguyên Vi (Lê Thị Vân)	1977	2000 (26)	Chùa Tân Quy P. Bảo An, Khánh Hòa
399.	SC. TN Chơn Từ (Nguyễn Thị Phương Thảo)	1974	1994 (32)	Chùa Khánh Minh Khánh Hòa

TỈNH LÂM ĐỒNG: 29 vị

400.	SC. TN Tịnh Giác (Lê Thị Thảo)	1967	2001 (25)	Ni viện Tuệ Quang Phường Cam Ly Đà Lạt, LĐ
401.	SC. TN Tịnh Vân (Đặng Thị Thọ)	1977	2001 (25)	Ni viện Tuệ Quang Phường Cam Ly Đà Lạt, LĐ
402.	SC. TN Tâm Giải (Trần Thị Hoa Nở)	1981	2001 (25)	Chùa Hương Sen Xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng
403.	SC. TN Thiện Lễ (Phạm Thị Gái)	1974	2001 (25)	Chùa Hương Sen Xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng
404.	SC. TN Huệ Chánh (Nguyễn Thị Kim Liên)	1978	2001 (25)	Chùa Hương Quang Phường Xuân Hương Đà Lạt, LĐ
405.	SC. TN Pháp Minh (Lê Thị Thanh Xuân)	1969	1994 (32)	Ni viện Hương Sen Xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng
406.	SC. TN Đạo Quang (Phan Thị Hiển)	1958	1994 (32)	Tịnh thất Minh Châu Xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng
407.	SC. TN Đồng Quang (Trương Thị Nhản)	1952	1998 (28)	Chùa Tịnh Quang Phường Xuân Trường Đà Lạt, LĐ
408.	SC. TN Kính Tâm (Nguyễn Thị Hòa)	1980	2001 (25)	Chùa Lăng Nghiêm Xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng
409.	SC. TN Huệ Quang (Nguyễn Thị Yêm)	1958	1990 (36)	Chùa Kim Liên Xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng
410.	SC. TN An Hữu (Vương Thanh Thủy)	1965	1996 (30)	Chùa Kim Liên Xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng

411.	SC. TN Viên Toàn (Huỳnh Thị Mai)	1962	1994 (32)	Chùa Kim Liên Xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng
412.	SC. TN Huệ Tịnh (Võ Thị Vân)	1958	1992 (34)	Tịnh thất Phương Lạc Xã Phú Hội Đức Trọng, LĐ
413.	SC. TN Nhật Cư (Nguyễn Thị Duyên)	1964	2001 (25)	Tịnh thất Hương Thiền Xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng
414.	SC. TN Như Hạnh (Lê Thị Mỹ Hồng)	1971	2001 (25)	Chùa Hương Hương Quang Phường Xuân Hương Đà Lạt, LĐ
415.	SC. TN Hạnh Tâm (Hồ Thị Lĩnh)	1979	2001 (25)	Tịnh thất Hương Quang Xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng
416.	SC. TN Hạnh Bảo (Võ Thị Hường)	1954	1996 (30)	Chùa Bình Quang Phường Phan Thiết, Lâm Đồng
417.	SC. TN Hạnh Phát (Nguyễn Thị Bích Huệ)	1973	2000 (26)	Chùa Bình Quang Phường Phan Thiết, Lâm Đồng
418.	SC. TN Hạnh Năng (Lê Thị Hồng)	1972	2000 (26)	Chùa Bình Quang Phường Phan Thiết, Lâm Đồng
419.	SC. TN Hạnh Thuận (Lê Thị Huyền)	1973	2001 (25)	Chùa Thiền Quang Phường Phan Thiết, Lâm Đồng
420.	SC. TN Hữu Liên (Đặng Thị Hả)	1976	2001 (25)	Tịnh xá Ngọc Lương Xã Sông Lũy, tỉnh Lâm Đồng
421.	SC. TN Tân Liên (Huỳnh Thị Chín)	1977	2001 (25)	Tịnh xá Ngọc Lương Xã Sông Lũy, tỉnh Lâm Đồng
422.	SC. TN Như Trí (Trần Thị Thanh Vân)	1970	2000 (26)	Chùa Pháp Hoa Xã Bắc Bình, tỉnh Lâm Đồng
423.	SC. TN Quảng Châu (Võ Thị Ngọc Trân)	1978	2001 (25)	Chùa Pháp Hoa Xã Bắc Bình, tỉnh Lâm Đồng
424.	SC. TN Tâm Tịnh (Nguyễn Thị Yến Linh)	1978	2001 (25)	Chùa Gia Huynh Xã Suối Kiết, tỉnh Lâm Đồng
425.	SC. TN Hạnh Niệm (Lê Thị Hải)	1974	2001 (25)	Chùa Thiện Đạo Xã Quảng Sơn, tỉnh Lâm Đồng
426.	SC. TN Nhuận Hiền (Mai Thị Diệu Chi)	1977	2001 (25)	Chùa Phước Quang Xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng
427.	SC. TN Thánh Tín (Nguyễn Thị Thuẩn)	1976	2001 (25)	Đạo tràng Giác Tâm Xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng
428.	SC. TN Liên Hồng (Nguyễn Thị Trúc)	1975	2001 (25)	Đạo tràng Ngọc Nghĩa Xã Trường Xuân, tỉnh Lâm Đồng

TỈNH NINH BÌNH: 37 vị

429.	SC. Thích Đàm Lý (Lê Thị Lý)	1957	1991 (32)	Chùa Lôi Hà, phường Duy Tiên, tỉnh Ninh Bình
430.	SC. Thích Bảo Phương (Lê Thị Phương)	1956	1993 (29)	Chùa Mã Não, phường Kim Bảng, tỉnh Ninh Bình
431.	SC. Thích Đàm Phú (Phạm Thị Dần)	1962	1996 (28)	Chùa Cự Phú, xã Trực Ninh, tỉnh Ninh Bình
432.	SC. Thích Đàm Lai (Vũ Thị Toản)	1960	1996 (27)	Chùa Thanh Nộn, phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình
433.	SC. Thích Đàm Tâm (Vũ Thị Tuất)	1958	1996 (27)	Chùa Vãng Sơn, phường Nguyễn Úy, tỉnh Ninh Bình
434.	SC. Thích Đàm Thủy (Vũ Thị Lụa)	1977	1999 (27)	Chùa Cát Nguyên, phường Nguyễn Úy, tỉnh Ninh Bình
435.	SC. Thích Đàm Huệ (Nguyễn Thị Huệ)	1974	1999 (27)	Chùa Hơm, xã Cát Thành, tỉnh Ninh Bình
436.	SC. Thích Đàm Thim (Đào Thị Thim)	1955	1983 (25)	Chùa Thanh Am, xã Quang Hưng, tỉnh Ninh Bình
437.	SC. Thích Đàm Chiến (Lê Thị Chiến)	1970	1994 (25)	Chùa Thần Quang, xã Nam Hồng, tỉnh Ninh Bình
438.	SC. Thích Đàm Hoàn (Trần Thị Lan)	1976	1994 (25)	Chùa Quần Lạc, xã Hồng Phong, tỉnh Ninh Bình
439.	SC. Thích Đàm Hoan (Trần Thị Tươi)	1975	1994 (25)	Chùa Cao Phương, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình
440.	SC. Thích Đàm Thuấn (Nguyễn Thị Thuấn)	1962	1999 (25)	Chùa Linh Am Đệ Nhất, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình
441.	SC. Thích Đàm Trang (Vũ Thị Hải)	1972	1999 (25)	Chùa Liên Hoa, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình
442.	SC. Thích Đàm Chí (Bùi Thị Chín)	1970	1999 (25)	Chùa Hoành Tam, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình
492.	SC. Thích Đàm Huê (Trịnh Thị Huê)	1975	1999 (26)	Chùa Đỗ Nội, phường Hà Nam, tỉnh Ninh Bình
493.	SC. Thích Nữ Nguyên Kim (Nguyễn Thị Ngân)	1968	1998 (26)	Chùa Mạc, phường Hà Nam, tỉnh Ninh Bình
494.	SC. Thích Đàm Thìn (Lê Thị Tiếp)	1963	1994 (25)	Chùa Hòa Trung, xã Bình Mỹ, tỉnh Ninh Bình

495.	SC. Thích Đàm Thu (Nguyễn Thị Yến)	1969	2001 (25)	Chùa Bối Cầu, xã Bình An, tỉnh Ninh Bình
496.	SC. Thích Đàm Thảo (Nguyễn Thị Lan)	1971	2001 (25)	Chùa Diễm, xã Bình Lục, tỉnh Ninh Bình
497.	SC. Thích Đàm Liên (Vũ Thị Liên)	1967	2001 (25)	Chùa Ô Cách, xã Thanh Tân, tỉnh Ninh Bình
498.	SC. Thích Đàm Phương (Nguyễn Thị Phương)	1983	2001 (25)	Chùa Ao Cá, xã Thanh Tân, tỉnh Ninh Bình
499.	SC. Thích Đàm Thanh (Mai Thị Thanh)	1980	2001 (25)	Chùa Tứ, xã Liêm Hà, tỉnh Ninh Bình
500.	SC. Thích Đàm Vân (Đặng Thị Long)	1958	2001 (25)	Chùa Chảy, xã Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình
501.	SC. Thích Đàm Hiến (Nghiêm Thị Ngoan)	1971	2001 (25)	Chùa Hoàng Hạ, phường Duy Hà, tỉnh Ninh Bình
502.	SC. Thích Đàm Hiên (Nguyễn Thị Yến)	1970	2001 (25)	Chùa Hồng Phúc, phường Tiên Sơn, tỉnh Ninh Bình
503.	SC. Thích Đàm Linh (Trần Thị Thùy Linh)	1980	2002 (25)	Chùa Cao Lộng, xã Nam Hồng, tỉnh Ninh Bình
504.	SC. Thích Đàm Tịnh (Trần Thị Bích Đào)	1979	2002 (25)	Chùa La Đồng, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình
505.	SC. Thích Đàm Thoan (Đỗ Thị Vòng)	1973	2002 (25)	Chùa Phổ Minh, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình
506.	SC. Thích Đàm Hường (Nguyễn Thị Nga)	1971	2002 (25)	Chùa Vọng Cung, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình
507.	SC. Thích Đàm Nga (Trần Thị Nga)	1982	2002 (25)	Chùa Ổn, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình
508.	SC. Thích Đàm Hồng (Ngô Thị Hồng)	1959	1989 (25)	Chùa Đô, xã Gia Trấn, tỉnh Ninh Bình
509.	SC. Thích Diệu Hạnh (Trần Thị Xuyến)	1981	2000 (25)	Chùa Phúc Trì, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
510.	SC. Thích Ngọc Trinh (Phan Thị Thu Hà)	1979	2000 (25)	Chùa Thiên Phúc, xã Bình Minh, tỉnh Ninh Bình
511.	SC. Thích Nữ Minh Ý (Trần Thị Nhường)	1977	1999 (25)	Chùa Bảo Khánh, xã Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
512.	SC. Thích Đàm Tâm (Dương Thị Diễn)	1975	2001 (25)	Chùa Sùng Khánh, xã Lý Nhân, tỉnh Ninh Bình

513.	SC. Thích Đàm Hiên (Nguyễn Thị Phi)	1963	1995 (25)	Chùa Ân Quang, xã Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
514.	SC. Thích Đàm Đạo (Trần Thị Đạo)	1959	1985 (25)	Chùa Đào Công, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

TỈNH PHÚ THỌ: 03 vị

443.	SC. Thích Đàm Hội (Hoàng Thị Mai)	1980	2001 (25)	Chùa Thiên Quang Phúc, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
444.	SC. TN Kiến Đạo (Nguyễn Thị Hường)	1978	2001 (25)	Chùa Trung Lư, phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ
445.	SC. TN Minh Hạnh (Nguyễn Thị Ánh Nguyệt)	1975	2001 (25)	Chùa Khánh Linh, xã Hội Thịnh, tỉnh Phú Thọ

TỈNH QUẢNG NINH: 04 vị

446.	SC. Thích Trung Thế (Lê Thị Ly)	1964	1998 (25)	Chùa Linh Quang, đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh
447.	SC. Thích Hoa An (Vũ Thị Vạn)	1964	2001 (25)	Chùa Trà Cổ, phường Móng Cái 1, tỉnh Quảng Ninh
448.	SC. Thích Nữ Huệ Pháp (Trần Thị Bé)	1976	2000 (26)	Chùa an Long, xã Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh
449.	SC. Thích Nữ Khánh Thảo (Phan Thị Chinh Trúc)	1976	1999 (25)	Chùa Quỳnh Biểu, phường Liên Hòa, tỉnh Quảng Ninh

TỈNH QUẢNG NGÃI: 09 vị

450.	SC. TN Yến Liên (Bùi Thị Kim Quy)	1954	1996 (30)	Chùa Phổ Hiền P. Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi
451.	SC. TN Huệ Như (Nguyễn Thị Xuyến)	1972	2001 (25)	Chùa Long An P. Lê Hồng Phong, Quảng Ngãi
452.	SC. TN Tuệ Nhã (Lê Thị Mỹ Lan)	1978	2001 (25)	Chùa Phổ Thiện Xã Nghĩa Hành, Quảng Ngãi
453.	SC. TN Thông Hảo (Huỳnh Thị Tốt)	1970	1997 (29)	Chùa Kỳ Viên Xã Vệ Giang, Quảng Ngãi
454.	SC. TN Giới Thành (Lê Thị Thúy Hằng)	1973	2000 (26)	Chùa Tân Mỹ Xã Bình Chương, Quảng Ngãi
455.	SC. TN Chương Liên (Nguyễn Thị Tuyết Lan)	1968	2001 (25)	Tịnh thất Ngọc Phước P. Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi

456.	SC. TN Chơn Nguyện (Trần Thị Hồng Hạnh)	1972	2000 (26)	Chùa Hồng Quang Xã Đình Cương, Quảng Ngãi
457.	SC. TN Như Nguyện (Nguyễn Thị Hạnh)	1969	2000 (26)	Chùa Kiến Khương Xã Mõ Cày, Quảng Ngãi
458.	SC. TN Tuệ Hạnh (Lê Thị Nhị)	1974	1998 (28)	Chùa Kim Phú Xã Thọ Phong, Quảng Ngãi

TỈNH QUẢNG TRỊ: 03 vị

459.	SC. TN Chơn Hóa (Nguyễn Thị Nhường)	1970	2001 (25)	Chùa Thanh Quang Xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị
460.	SC. TN Kiều Giới (Võ Thị Tý)	1972	2001 (25)	Chùa Cao Xá Xã Bến Hải, Quảng Trị
461.	SC. TN Thanh Tùng (Hồ Nữ Dạ Thảo)	1973	2001 (25)	Chùa Mai Xá Đông Xã Cửa Việt, Quảng Trị

TỈNH TÂY NINH: 16 vị

462.	SC. TN Liên Đăng (Dương Thị Cẩm Hồng)	1963	1996 (30)	Chùa Phước Long P. Khánh Hậu, tỉnh Tây Ninh
463.	SC. TN Huệ Phượng (Mai Thị Tuyết Loan)	1973	2001 (25)	Chùa Pháp Huệ P. Gia Lộc, Tây Ninh
464.	SC. TN Hòa Liên (Trần Thị Thu Thảo)	1966	1996 (30)	Tịnh xá Ngọc An P. Long An, Tây Ninh
465.	SC. TN Huệ Hạnh (Nguyễn Thị Kim Sang)	1974	2000 (26)	Chùa Hội Chơn Xã Nhựt Tảo, Tây Ninh
466.	SC. TN Thức Liên (Nguyễn Thị Bảy)	1960	1999 (27)	Tịnh xá Ngọc An P. Long An, Tây Ninh
467.	SC. TN Huệ Huệ (Huỳnh Thị Thùy Trang)	1979	1999 (27)	Chùa Vĩnh Phước P. Tân An, Tây Ninh
468.	SC. TN Liên Thuận (Nguyễn Thị Mỹ Phương)	1971	2001 (25)	Chùa Châu Long Xã Vĩnh Công, Tây Ninh
469.	SC. TN Huệ Liên (Huỳnh Thị Mỹ Châu)	1967	2000 (26)	Chùa Tân Châu Xã Tầm Vu, Tây Ninh
470.	SC. TN Huệ Tâm (Nguyễn Thị Búp)	1971	2001 (25)	Chùa Chưởng Phước Xã Cần Giuộc, Tây Ninh
471.	SC. TN Diệu Thanh (Võ Thị Thu Hà)	1974	1999 (27)	Chùa Long Hòa Xã Mỹ Thạnh, Tây Ninh
472.	SC. TN Chơn Lễ (Ngô Thị Nguyệt)	1953	1999 (27)	Chùa Phước Minh Xã Lộc Ninh, Tây Ninh

473.	SC. TN Nguyên Châu (Hoàng Thị Mộng Điệp)	1967	1998 (28)	Chùa Phước Minh Xã Lộc Ninh, Tây Ninh
474.	SC. TN An Quang (Nguyễn Đỗ Diễm Hồng)	1970	2001 (25)	Chùa Phước Bảo Xã Bình Đức, Tây Ninh
475.	SC. TN Lệ Chánh (Nguyễn Thị Thoại Ba)	1971	2001 (25)	Chùa Vĩnh Phong Xã Thủ Thừa, Tây Ninh
476.	SC. TN Diệu Nhơn (Ngô Thị Chi)	1969	2001 (25)	Chùa Linh Sơn Tiên Thạch P. Bình Minh, Tây Ninh
477.	SC. TN Diệu Minh (Nguyễn Thị Hạnh)	1972	2001 (25)	Chùa Long Châu P. Bình Minh, Tây Ninh

TỈNH VĨNH LONG: 13 vị

478.	SC. TN Như Hương (Trần Dũng Em)	1979	2001 (25)	Quan Âm Tu Viện Xã Vinh Kim, tỉnh Vĩnh Long
479.	SC. TN Lệ Trúc (Phạm Thị Kim Ánh)	1972	1999 (27)	Chùa Phật Quang Xã Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
480.	SC. TN Như Huỳnh (Phạm Thị Nhi)	1970	2001 (25)	Điểm SHTGTT Đạo tràng Như Lai, xã Phú Quới, Vĩnh Long
481.	SC. TN Diệu Thọ (Phan Thị Chỉnh)	1966	1994 (32)	Chùa Phước Thành Xã Vinh Kim, tỉnh Vĩnh Long
482.	SC. TN Huệ Mỹ (Dương Thị Lệ)	1964	2001 (25)	Liên Hoa Tu Viện Xã Đôn Châu, tỉnh Vĩnh Long
483.	SC. TN Tâm Viên (Nguyễn Thị Dung)	1950	1993 (33)	Chùa Phước Long Xã Lưu Nghiệp Anh, Vĩnh Long
484.	SC. TN Liên Thành (Lê Thị Phấn)	1964	2001 (25)	Chùa Liên Trì Phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long
485.	SC. TN Huệ Ngọc (Lê Thị Hoàng)	1966	1999 (27)	Chùa Di Đà Xã Hương Mỹ, tỉnh Vĩnh Long
486.	SC. TN Diệu An (Nguyễn Thị Tuyết)	1980	2000 (26)	Chùa Bửu Phước Xã Thạnh Phú, tỉnh Vĩnh Long
487.	SC. TN Giác Liên (Trương Thị Tâm)	1981	2001 (25)	Chùa Long Minh Xã Phước Mỹ Trung, Vĩnh Long
488.	SC. TN Thánh Thanh (Nguyễn Thị Gắt)	1957	2001 (25)	Chùa Pháp Quang Xã Đồng Khởi, tỉnh Vĩnh Long
489.	SC. TN Huệ Anh (Dương Thị Mỹ Trang)	1962	1994 (32)	Chùa Long Khánh Phường Thanh Đức, Vĩnh Long
490.	SC. TN Minh Huệ (Hà Thị Huệ)	1971	2001 (25)	Quan Âm Tu Viện Xã Vinh Kim, tỉnh Vĩnh Long

VIETNAM

CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO: 01 vị

491.	SC. Thích Nữ Hương Phước (Lâm Thị Duyên Anh)	1974	2005	Chùa Diệu Giác, CHDCND Lào

Tổng cộng: 514 vị

Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh